

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số /TTr-SYT ngày....tháng.... năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số (sau đây gọi tắt là cộng tác viên) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cộng tác viên dân số đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện hoạt động công tác dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Số lượng, nhiệm vụ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm

1. Số lượng

- a) Mỗi ấp, khu phố ở khu vực nông thôn (xã): Từ 200 đến dưới 300 hộ dân cư bố trí 01 cộng tác viên.
- b) Mỗi ấp, khu phố ở khu vực thành thị (phường, thị trấn): Từ 300 đến dưới 400 hộ dân cư bố trí 01 cộng tác viên.
- c) Số lượng cộng tác viên toàn tỉnh:
 - Giai đoạn 2022 - 2025 là 3.505 người (*Phụ lục đính kèm*).
 - Năm 2025, căn cứ số hộ dân cư tại thời điểm, giao Sở Y tế đề xuất số lượng cộng tác viên giai đoạn 2026 - 2030 cho phù hợp với phân bổ tại điểm a, b Khoản 1 điều này.

2. Nhiệm vụ

- a) Cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.
- b) Ngoài những nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, cộng tác viên kiêm nhiệm một số nhiệm vụ công tác gia đình và trẻ em như sau:
 - Tham gia vào các hoạt động lập kế hoạch và phối hợp triển khai thực hiện các chương trình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình ở địa phương.
 - Tuyên truyền luật pháp, chính sách, kiến thức kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình ở hộ gia đình và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng.
 - Nắm bắt thông tin và phản ánh kịp thời các hành vi xâm phạm quyền trẻ em, bạo lực gia đình trên địa bàn phụ trách cho cán bộ phụ trách tại tuyến xã.
 - Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.
 - Tham gia các hoạt động khác về hoạt động gia đình và trẻ em theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm

Việc xét chọn cộng tác viên dân số dựa theo tiêu chuẩn được quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 1 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế và theo quy trình sau:

a) Trưởng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn căn cứ tiêu chuẩn, nhiệm vụ và năng lực của người tình nguyện làm cộng tác viên, tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lựa chọn cộng tác viên dân số kiêm gia đình và trẻ em trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phê duyệt danh sách cộng tác viên dân số trên địa bàn quản lý, chỉ đạo bộ phận văn hóa, gia đình và trẻ em hướng dẫn, giám sát chuyên môn các hoạt động gia đình và trẻ em đối với cộng tác viên.

c) Giám đốc Trung tâm Y tế huyện, thành phố ký hợp đồng trách nhiệm, chi trả kinh phí hỗ trợ cho cộng tác viên theo hợp đồng, quản lý chỉ đạo chuyên môn kỹ thuật các hoạt động về dân số và phát triển đối với cộng tác viên.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế; Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Tổng cục Dân số;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng